

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Xuân

Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử B, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn 3, xã Bình Trung, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở: Ấp Bến Bào, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Cao Thế H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H tìm hiểu nhau rồi đi đến sống chung với nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 21/11/2008. Sau khi kết hôn bà D về chung sống với ông H tại thôn C, xã B, huyện C. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do bà D và ông H không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như trong việc chăm sóc con cái, cãi vã nhau, giữa bà D và ông H không tìm được tiếng nói chung. Bà D và ông H đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nhưng không thành. Đến khoảng tháng 6 năm 2023, bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để sinh sống và bà D và ông H ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Kể từ đó bà D và ông H cắt đứt liên lạc với nhau, cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa. Nay bà D cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Cao Thế H.

Về con chung: Bà D và ông H có 03 người con chung là Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 và Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã P, đồng ý giao 02 cháu K và V cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo lời khai của ông Cao Thế H trình bày:

Ông Cao Thế H và bà Lê Thị Mỹ D qua thời gian yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2008 tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi kết hôn ông H và bà D chung sống tại thôn C, xã B, huyện C. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như trong việc chăm sóc con cái, cãi vã nhau, giữa ông H và bà D không tìm được tiếng nói chung. Ông H và bà D đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nhưng không thành. Đến khoảng tháng 6 năm 2023, bà D về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để sinh sống và ông H và bà D ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Kể từ đó ông H, bà D cắt đứt liên lạc với nhau, cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa. Ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng nữa. Tuy nhiên do ông H theo Đ Công giáo nên không ký vào biên bản thuận tình ly hôn. Do đó qua yêu cầu xin ly hôn của bà D thì đề nghị tòa án giải quyết ly hôn đơn phương cho bà D.

Về con chung: Ông H và bà D có 03 người con chung là Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 và Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã P; giao 02 cháu K và V cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào thì ông H cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà D, Tòa án triệu tập ông H để làm việc, ông H đến Tòa làm việc xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không ký biên bản ly hôn được vì là người có đạo. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của Cao Nhã K, Cao Nhã V, Cao Nhã P, cũng như sự thỏa thuận của bà D và ông H nên cần giao cháu P cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu K, cháu V cho ông H nuôi dưỡng. Ông H và bà D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay bà D xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Cao Thế H là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2008 tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà D và ông H đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà D, Tòa án triệu tập ông Cao Thế H để làm việc, ông H đến Tòa án để hòa giải về quan hệ hôn nhân, ông H xác định không còn tình cảm với bà D, nhưng ông theo đạo Công giáo nên không ký biên bản thuận tình ly hôn được và đã thỏa thuận được việc nuôi con chung.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay thì bà D và ông H đã ly thân với nhau. Tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà D và ông H có 03 con chung là Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 và Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016. Ông H đồng ý giao cháu Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016 cho bà D nuôi dưỡng, ông H xin nuôi Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011. Bà D đồng ý giao 02 cháu K và V cho ông H nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 03 cháu K, V, P cũng như sự đồng ý của ông H và bà D nên cần giao cháu Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến 18 tuổi; Giao cháu Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến cháu K và cháu V đến 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn với ông Cao Thế H.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H có 03 con chung là Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 và Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016.

Bà Lê Thị Mỹ D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Nhã P, sinh ngày 14/9/2016 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Cao Thế H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Nhã K, sinh ngày 15/9/2009; Cao Nhã V, sinh ngày 08/7/2011 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Cao Thế H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ D nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0001812 ngày 22/01/2024. Như vậy bà Lê Thị Mỹ D đã nộp xong án phí.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2024); Bà Lê Thị Mỹ D, ông Cao Thế H vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA.tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Pho

